

Bản án số: 84/2021/HNGĐ-ST

Ngày 01 - 9 - 2021

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đăng Cường

2. Bà Trần Thị Kim Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Lý – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Đặng Quang Sơn – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 9 năm 2021 tại Phòng xử án Toà án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 390/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2021 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 160/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị N, sinh năm 1997

Địa chỉ: Tổ 1, khu 7, phường G, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Phí Đức T, sinh năm 1995

Địa chỉ: Tổ 1, khu 7, phường G, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

Vắng mặt (có đơn xin xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 03/6/2021, tại bản tự khai ngày 28/6/2021, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị tự nguyện kết hôn với anh Phí Đức T vào ngày 09/10/2015, đăng ký kết hôn tại UBND phường G, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Trước khi kết hôn chưa ai có vợ có chồng và có thời gian tìm hiểu nhau 03 tháng. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống chung với nhau hòa thuận hạnh phúc đến ngày tháng 10/2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T nhiều lần sử dụng chất ma túy, không đi làm, không có trách nhiệm với gia đình, vợ chồng không có tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra xung đột. Mâu thuẫn của hai vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng sống ly thân với nhau từ tháng 11/2018 đến nay, trong thời gian sống ly thân vợ chồng đã tìm nhiều biện pháp hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Đến nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm chị dành cho anh T không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trung.

Về con chung: Chị và anh Phí Đức T có 01 con chung là Phí Mạnh T1, sinh ngày 17/3/2016. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị và anh T không có tài sản chung, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo đúng quy định của pháp luật cho anh Phí Đức T, nhưng anh T không chấp hành, không lên tòa tham gia giải quyết vụ án. Tại đơn trình bày ngày 26/7/2021 của anh Phí Đức T có xác nhận của tổ trưởng tổ 1, khu 7, phường G nộp cho Tòa án thể hiện:

Anh kết hôn với chị Phạm Thị N vào tháng 10/2015, đăng ký kết hôn tại UBND phường G, trước khi kết hôn chưa ai có vợ có chồng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 10/2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, hay xảy ra cãi vã nên tình cảm vợ chồng phai nhạt. Từ tháng 3/2020, chị N bỏ ra đã bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nay chị N muốn ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Anh và chị N có 01 con chung là Phí Mạnh T1, sinh ngày 17/3/2016. Nếu ly hôn, anh đề nghị được nuôi con chung, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh và chị N không có tài sản chung, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Xác nhận của chính quyền địa phương (tại Biên bản xác minh với ông Phạm Thanh T2 – Tổ trưởng tổ 1, khu 7, phường G, thành phố H) thể hiện: Chị N và anh T là công dân tại tổ 1, khu 7, phường G, kết hôn năm 2015. Anh T là người nghiện ma túy, đã từng đi thi hành án phạt tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Trong cuộc sống hôn nhân, chị N và anh T nhiều lần sống ly thân, chị N nhiều lần bỏ về nhà mẹ đẻ và quay lại với anh T nhưng mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên chị N gửi đơn lên tòa yêu cầu ly hôn. Hiện chị N không ở tại địa phương. Chị N và anh T có 01 con chung sinh năm 2016, con chung hiện đang sống cùng anh T và bố mẹ đẻ anh T.

Tại phiên tòa, chị N vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với anh T, đề nghị được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng theo quy định của Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Phạm Thị N được ly hôn với anh Phí Đức T. Về con chung: Giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung: Không có nên không đề cập. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện vụ án hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” đối với bị đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của bị đơn - anh Phí Đức T: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng cho bị đơn theo quy định tại Chương X của Bộ luật Tố tụng dân sự như thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn – anh Phí Đức T bằng hình thức tổng đạt thông qua dịch vụ thừa phát lại. Anh T đã nhận được các văn bản của Tòa án nhưng anh T không đến Tòa án để làm việc và có đơn xin xử vắng mặt đề nghị được vắng mặt tất cả các buổi làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Phí Đức T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị N và anh Phí Đức T là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị N, Hội đồng xét xử thấy: Mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T xuất phát chủ yếu từ việc vợ chồng bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn trong đời sống sinh hoạt, anh T là người sử dụng chất ma túy. Mặc dù những mâu thuẫn này vợ chồng đã cố gắng tự hòa giải nhưng không có kết quả, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn, vợ chồng đã sống ly thân nhiều lần, lần gần đây nhất từ tháng 3/2020 đến nay chị N đã bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống, từ khi sống ly thân không ai quan tâm, chăm sóc đến ai. Đến nay, chị N xác nhận không còn tình cảm với anh T, không muốn tiếp tục cuộc sống chung vợ chồng với anh T.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi giấy triệu tập, Thông báo hòa giải cho anh T mục đích hòa giải cho vợ chồng về đoàn tụ nhưng anh T đều không đến Tòa làm việc, việc không đến này của anh T thể hiện anh T không có thiện chí tham gia hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Mặt khác, anh T gửi ý kiến đến Tòa xác định giữa anh và chị N là có mâu thuẫn, vợ chồng hiện sống ly thân với nhau, anh cũng đồng ý ly hôn với chị N.

Đối chiếu với quy định tại điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thấy tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N và anh T.

[3] Về con chung: Chị N và anh T có 01 con chung là Phí Mạnh T1, sinh ngày 17/3/2016. Chị N và anh T đều nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi thành niên (đủ 18 tuổi), không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét việc giao con cho ai nuôi phải căn cứ vào điều kiện, hoàn cảnh để nuôi con thì thấy: Chị N và anh T đều có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong

việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Tuy con chung hiện đang sống với anh T và bố mẹ đẻ anh T nhưng anh T được Toà án triệu tập đến Toà án để giải quyết vụ án nhiều lần, anh T không đến, việc không đến Tòa án làm việc của anh T thể hiện việc không chấp hành pháp luật, không coi trọng cuộc sống gia đình, chăm sóc con cái, bản thân anh T là người sử dụng chất ma túy, không có công việc ổn định. Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con thì yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung của chị N phù hợp nên có căn cứ để chấp nhận.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về tài sản chung: Chị N và anh T xác nhận vợ chồng không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Đối với ý kiến của kiểm sát viên là có căn cứ pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51; khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị N được ly hôn với anh Phí Đức T.

2. Về con chung: Giao con chung Phí Mạnh T1, sinh ngày 17/3/2016 cho chị Phạm Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh Phí Đức T không phải cấp dưỡng nuôi con chung; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0003713 ngày 09/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Chị N đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP Hạ Long;
- Chi cục THADS TP Hạ Long;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- UBND phường G, thành phố H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Phạm Thị Cúc

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Cúc